

GIỚI THIỆU MỘT DỊ BẢN VĂN BIA CHÙA VIÊN QUANG

PHAN ANH DŨNG*

Tóm tắt: Chùa Viên Quang ở thôn Nghĩa Xá, xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định nguyên là một chùa cổ có từ thời Lý. Chùa hiện còn bảo tồn được một tấm bia cổ, văn bản trên bia có thể có từ thời Lý là một văn bản quý đã được đưa vào bộ tuyển tập *Thơ văn Lý - Trần*. Qua quá trình khảo cứu tài liệu khoa cúng ở đền Thượng, xã Yên Vệ, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, là đền thờ Thiền sư Giác Hải ở trên đất quê hương của thiền sư, tác giả phát hiện nội dung bài văn bia chùa Viên Quang đã được lồng gán như trộn vụn vào trong khoa cúng của đền, bài viết này giới thiệu bản văn đó kèm phần phiên âm, dịch nghĩa, khảo chú dị bản.

Từ khóa: Giác Hải, Minh Không, chùa Viên Quang, đền Thượng, Yên Vệ, Ninh Bình, văn bia

Abstract: Vien Quang Pagoda in Nghia Xa village, Xuan Ninh commune, Xuan Truong district, Nam Dinh province was an ancient pagoda from the Ly dynasty. The pagoda still preserves an ancient stele, the text on the stele may date back to the Ly dynasty, a valuable text that has been collected in the *Tho van Ly - Tran* Poetry and Literature collection. Through the process of researching the worship documents at Thuong Temple, Yen Ve commune, Yen Khanh district, Ninh Binh province, which is the temple to worship Zen Master Giac Hai in his hometown, I discovered that the content of the stele inscription of Vien Quang Pagoda was almost completely inserted into the worship-book of the temple. This article introduces the incscription with the transcription, translation, and annotation of the different versions.

Keywords: Giac Hai, Minh Khong, Vien Quang Pagoda, Thuong Temple, Yen Ve, Ninh Binh, stele inscriptions

1. Giới thiệu chung

Thiền sư Giác Hải, có tài liệu ghi tên húy là Nguyễn Viên Y, là một vị Thiền sư nổi tiếng thời Lý, có tiểu sử ghi trong cuốn thiền sử cổ nhất của nước ta là *Thiền uyển tập anh* 禪苑集英 ra đời khoảng đầu đời Trần, ông cùng với Nguyễn Minh Không (nhiều tài liệu đồng nhất với Không Lộ) và Từ Đạo Hạnh được tín ngưỡng dân gian tôn lên hàng “Tam Thánh Tổ”. Ông vốn quê ở Hải Thanh, có tài liệu cho là sinh ra

tại Yên Vệ, Ninh Bình, nhưng có thể đó là quê mẹ¹. Ông đi tu ở chùa Diên Phúc hương Giao Thủy, sau đổi tên là chùa Viên Quang, nay chùa vẫn còn nhưng đã thiên di về xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Chùa Viên Quang nổi tiếng vì có tấm bia cổ thời Lý do Đinh Đạt soạn, có câu ghi niên đại “Thiên Phù Duệ Vũ tam niên 天符睿武三年” tức năm 1122,

* NNC. Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

niên đại thực sự của bài văn và tấm bia còn nhiều nghi vấn, nhưng bài văn bia thì rất nổi tiếng vì đã được nhóm Nguyễn Huệ Chi, Trần Thị Băng Thanh, v.v... đưa vào bộ sách *Thơ văn Lý - Trần* và phiên dịch khảo chú công phu, cho đến gần đây còn được các học giả tiếp tục khảo cứu đào sâu như tác giả Vũ Thế Khôi trong bài “Thử giám định các niên đại và các văn bản khắc trên bia Viên Quang tự bị minh tính tự”, *Tạp chí Hán Nôm* số 5 - 2018.

Qua quá trình điền dã các đền chùa, nhóm khảo sát về Tam Thánh Tổ gồm Kiến trúc sư Trần Trung Hiếu, Nhà nghiên cứu Phan Anh Dũng ở Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam và Thạc sĩ Lưu Thị Dung hiện công tác ở Bảo tàng thành phố Hà Nội có sưu tầm được một số tư liệu khá quý hiếm ở đền Thượng thuộc xã Yên Vệ, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nơi đây vốn là quê mẹ của nhà sư Giác Hải, có đền thờ Giác Hải và cả Tam Thánh, còn chùa bên cạnh đền thờ mẹ Giác Hải. Trong bộ tư liệu đó có hai bản khoa cúng của đền, một cũ một mới, khi khảo sát khoa cúng mới tác giả phát hiện nội dung bài văn bia chùa Viên Quang đã được lồng gần như trọn vẹn vào trong khoa cúng này ở đoạn gần cuối, có tên là “*Bạch khai văn/白啟文*”.

Về tình trạng văn bản: bản khoa cúng được viết tay có khổ phổ thông khoảng 17x27cm, viết chữ khải to rõ và khá thưa, giấy bên trong còn khá tốt không bị mối mọt hư hỏng như nhiều sách cổ khác. Mỗi trang chép khoảng 6 cột mỗi cột trung bình 16 chữ, bia sách dùng giấy tô đen có một ô trắng ghi 4 chữ “*Kỵ nhật khoa cúng/忌日科供*”, 15 trang đầu là khoa cúng ngày giỗ của thánh Giác Hải tức ngày mồng 4 tháng

Giêng, từ trang 16 đến nửa đầu trang 29 là bài “*Bạch khai văn/白啟文*”, mở đầu là 3 vế biên ngẫu (tính là 6 câu) có tính chất dẫn nhập, sau đó lặp lại gần như trọn vẹn bài văn bia nổi tiếng ở chùa Viên Quang bắt đầu từ câu “*Duy Thiên Phù Duệ Vũ tam niên Giác Hải Đại pháp sư khắc bi nhất diện/維天符睿武三年覺海大法師刻碑一面*”, riêng phần cuối trước bài minh có mấy câu mà Đinh Đạt tự giới thiệu đã bị cắt bớt chỉ ghi ngắn gọn thành 1 câu là “*Thời Đinh Đạt vi chi minh viết/耑穎達為之銘曰*”. Cuối bài minh có thêm 4 câu văn theo văn của bài minh nhưng nội dung là lời khẩn nguyện chắc là thuộc về khoa cúng chứ không thấy có trên tấm bia ở chùa Viên Quang, Nam Định.

Sau bài *Bạch khai văn* là một bản kê chữ Nôm kể sự tích Tam Thánh tổ, so nội dung câu chữ thì khác với các bản kê Nôm mà tác giả từng được tiếp xúc và phiên chú giới thiệu trong các sách như *Quốc sư Minh Không qua tư liệu đền Thánh Nguyễn*², nên bản Nôm này cũng là một tài liệu quý hiếm mà nhóm chúng tôi sẽ giới thiệu ở một bài viết khác.

Cuối sách là một số trang ghi văn tán khá rời rạc, thuộc vào khoa cúng.

Bài văn bia chùa Viên Quang trong sách này là một tài liệu quý, vì có một số câu chữ khác với tấm bia lưu ở chùa Viên Quang, có thể dùng để khảo chú dị bản, điều mà trước đây không thể làm được do chỉ có độc bản chép từ tấm bia Viên Quang.

Ngoài các chỗ dị bản sai khác chúng tôi để ý có 2 chỗ ở bài *Bạch khai văn* đã để trống ô khoảng 1 chữ, nên phỏng đoán là bài văn này không chép lại trực tiếp từ tấm bia chùa Viên Quang mà từ một bản sách

nào đó rất cổ, nên chỗ hai chữ đó đã bị rách hay mờ mất, người sao chép đưa vào khoa cúng đã tôn trọng nguyên tác nên bỏ trống 2 chữ đó chứ không tùy tiện ghi chữ khác vào thay các chữ bị mờ.

Sau đây là toàn bộ bài *Bạch khai văn* chúng tôi phiên âm, dịch và đối chiếu dị bản trực tiếp với ảnh chụp tấm bia Viên Quang³, chú ý bản in trong sách *Thơ văn Lý - Trần* là bản đã qua nhiều lần sao chép tay và có cả sự hạn chế do sắp chữ in thời xưa (1977) nên sai với bản rập bia đến mấy chục chữ vì vậy không đặt vấn đề so dị bản. Phần chú thích ý nghĩa từng câu chữ do sách *Thơ văn Lý - Trần* đã làm kỹ càng nên chúng tôi xin phép không dẫn lại, chỉ làm chú thích ngắn gọn cho một số chữ dị bản, cả chú thích và đối chiếu dị bản đều làm kiểu chú thích chân trang (footnote).

2. Phiên âm và khảo dị văn bia chùa Viên Quang và *Bạch khai văn*

Đoạn mở đầu (là các cột có gạch trong hình bên):

伏以

Phục dĩ.

跡脫三塗莫能名其玄妙

Tích thoát tam đồ, mạc năng danh kỳ huyền diệu;

名留四器永弥慕於果因

Danh lưu tứ khí, vĩnh di mộ ư quả nhân.

索真 就圓光

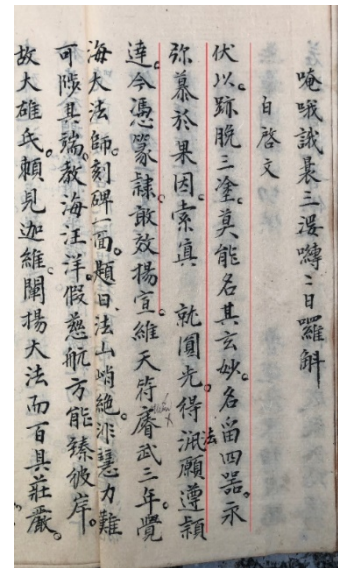
Sách chân (*nhi*⁴) tựu Viên Quang;

得法願遵穎達

Đắc pháp nguyện tuân Dĩnh Đạt.

今憑篆隸

Kim bằng triện lệ;



敢效揚宣

Cảm hiệu dương tuyên.

Đoạn sau này gần như trùng hoàn toàn văn bia chùa Viên Quang, xin gõ cả chữ Hán để tiện so sánh dị bản:

維天符睿武三年覺海大法師刻碑一面

Duy Thiên Phù Duệ Vũ tam niên (1122) Giác Hải Đại pháp sư khắc bi nhất diện.

題曰

Đề viết⁵:

法山峭絕, 非慧力難可陟其端

Pháp sơn tiều tuyệt, phi tuệ lực nan khả trắc kỳ đoan;

教海汪洋, 假慈航方能臻彼岸

Giáo hải uông dương, giả từ hàng phương năng trăn bỉ ngạn.

故大雄氏

Có đại Hùng Thị;

賴見迦維

Lại kiến Già Duy.

闡揚大法而百具莊嚴

Xiển dương đại pháp, nhi bách cụ trang nghiêm;

弘濟迷途而萬行薰習
 Hoằng tế mê đồ, nhi vạn hành huân tập.
 鑪心田之蕪穢
 Sả tâm điền chi vu ế;
 拂晴靄之氤氲
 Phất tình ái chi nhân uân.
 設六度之津梁
 Thiết lục độ chi tân lương;
 拯群生於塗炭
 Chửng quần sinh ư đồ thán.
 (於)無想不識悉齒緣而不忘
 (ư⁶) Vô tưởng bất thức, tức xỉ lục⁷ nhi
 bất vong;
 蠕動蛸翹盡提撕而靡替
 Nhu động tiêu⁸ kiêu, tận đề tê nhi mi thế.
 及乎
 Cập hồ:
 双林晦影永入泥洹
 Song lâm hối ảnh, vĩnh⁹ nhập nê hoàn;
 四眾傾心同聞囑囑
 Tứ chúng khuynh tâm, đồng văn chúc lữ.
 於是
 Ư thị:
 或京師而緬思梵福紺宇星分
 Hoặc kinh sư nhi miển tư phạm phúc,
 cảm vũ tinh phân;
 或州縣而擬報洪恩靈祠綦布
 Hoặc châu huyện nhi nghĩ báo hồng ân,
 linh từ kỳ bố.
 今查究真跡的的圓光寺者, 即李英
 宗之所創而覺海大聖之棲遲也
 Kim tra cứu chân tích đích đích Viên
 Quang Tự giả, tức Lý Anh Tông chi sở
 sáng, nhi Giác Hải đại thánh chi thê trì dã¹⁰.
 大聖誕出從於天一

Đại thánh đản xuất tòng ư thiên nhất¹¹;
 志殊絕於醜夷
 Chí thù tuyệt ư xú di.
 譬蓮拔於淤泥飛香滿檻
 Thí liên bạt ư nịch¹² nê, phi hương
 mãn hạm;
 類松生於澗底擢翠凌空
 Loại tùng sinh ư giản đế, trạc thúy
 lãng không¹³.
 隨機化物之功夙超千古
 Tùy cơ hóa vật chi công, quỳnh siêu
 thiên cổ;
 損己利他之道迴出六塵
 Tổn dĩ lợi¹⁴ tha chi đạo, quỳnh xuất lục
 trần.
 心花灼灼四時榮
 Tâm hoa chúc chúc tứ thì vinh;
 禪月亭亭千里照
 Thiền nguyệt đình đình thiên lý chiếu.
 寔法門之樞鑰適天文之星象也.
 Thật pháp môn chi xu thược, thích thiên
 văn chi tinh tượng dã.
 是以
 Thị dĩ:
 降芝幃於丹漢
 Giáng chi chương ư đan hán;
 振虎錫於幽垌
 Chấn hổ tích ư u đồng¹⁵.
 雲出岫而輕風易飛
 Vân xuất tự nhi khinh phong dị phi;
 鶴沖天而纖埃難染
 Hạc xung thiên nhi tiêm ai nan nhiễm.
 孤征上國
 Cô chinh thượng quốc;
 獨步彤庭

Độc bộ đồng đình.

見之者如蟻慕膾

Kiến chi giả như nhĩ mộ chiên;

聞之者如魚得水

Văn chi giả như ngư đắc thủy.

決曹溪之一派

Quyết Tào Khê chi nhất phái;

流神甸之八荒

Lưu thần điện chi bát hoang.

雖梁武之誌空漢明之竺(奉)法無以加也

Tuy Lương Vũ chi Chí Không¹⁶, Hán Minh chi Phụng Pháp vô dĩ gia dã.

俗塵都化

Tục trần đô hóa;

精妙入神

Tinh diệu nhập thần¹⁷.

乃策杖而歸本鄉

Nãi sách trượng nhĩ quy bản hương;

乍浮盃而還舊里

Sạ phù bôi nhĩ hoạn¹⁸ cựu lý.

占龍虎之勝地

Chiếm long¹⁹ hổ chi thắng địa;

斷羊血之穢鄰

Đoạn dương huyết chi uế lân.

前襟南畝而萬頃黃雲布地

Tiền khâm nam mầu, nhĩ vạn khoảnh hoàng vân bố địa;

後帶東流而千里碧浪連天

Hậu đới đông lưu, nhĩ thiên lý bách lãng liên thiên.

左控海清之離宮春省耕而秋省斂

Tả khống Hải Thanh chi Ly cung, xuân tỉnh canh nhĩ thu tỉnh liễm;

右引隆橋之古寺朝聞梵而暮聞鍾

Hữu dẫn Long Kiều chi cổ tự, triều văn phạm nhĩ mộ văn chung.

惟上念茲

Duy thượng niệm tư;

伊聖樂此

Y²⁰ thánh lạc thử.

於明道初年救命有司速興經始.

Ư Minh Đạo sơ niên²¹, sắc mệnh hữu ti tốc hưng kinh thủy.

於是

Ư thị:

匠工雲集

Tượng công vân tập;

材石山儲

Tài thạch sơn trừ.

斧斤樸斲化出天宮

Phủ cân phác trắc (nhĩ) hóa xuất thiên cung;

金碧輝華儼成寶殿

Kim bích huy hoa (nhĩ²²) nghiêm²³ thành bảo điện.

中座則彌陀教主白毫將紺目交光

Trung tòa tắc Di Đà Giáo chủ, bạch hào tương cảm mục giao quang;

傍圖則住世上人槁質乃厖眉具體

Bàng đồ tắc Trú Thế Thượng nhân, cảo chất nãi²⁴ bàng²⁵ mi cụ thể.

超凡聖眾列侍衛而聞經

Siêu phàm thánh chúng, liệt thị vệ nhĩ văn kinh;

多力善神對揮戈而護法

Đa lực thiện thần, đối huy qua nhĩ hộ pháp.

扁曰圓光寺表吾聖師覺道之圓滿妙體光大也.

Biên viết “Viên Quang Tự” giả, biểu ngô thánh²⁶ sư giác đạo chi viên mãn diệu thể quang đại dã.

更有
Cánh hữu:
崇樓特立其界內鯨音屢吼於曉昏
Sùng lâu đặc lập kỳ giới nội, kinh âm
lũ hồng ư hiếu hôn;
鈴閣突起於坤維鴈塔相望於指顧
Linh các đột khởi ư khôn duy, nhận
tháp tương vọng ư chỉ cố.
廚室縱橫架其後安六代之祖師
Trù thất tung hoành giá kỳ hậu, an lục
đại chi tổ sư;
正門嚴淨聳其前開十里之長徑
Chánh môn nghiêm tịnh tủng kỳ tiền,
khai thập lý chi trường kính.
朝雲生於梁棟
Triêu vân sinh ư lương đồng;
暮霞暎於拱爐
Mộ hà ánh ư cung lư.
溪涵夜月誤沉珠
Khê hàm dạ nguyệt ngộ trầm châu²⁷;
露泣曉花迷濯錦
Lộ khấp hiếu hoa mê trạc cẩm.
一場爽塏
Nhất trường sáng khải;
四顧蕭森
Tứ cố tiêu sâm.
神宗之省方也偶顧其禪林整乘輿而
親幸
Thần Tông chi tỉnh phương dã, ngẫu
cố kỳ thiên lâm, chỉnh thừa dư nhi thân hạn
英宗之觀民也既欽崇其淨刹嚴羽衛
而登臨
Anh Tông chi quan dân dã, ký khâm
sùng kỳ tịnh sát, nghiêm vũ vệ nhi đăng lâm.
今王

Kim vương:
仁並堯天
Nhân tịnh Nghiêu thiên;
孝參舜日
Hiếu tham²⁸ Thuần nhật.
感二聖遊觀之地
Cảm nhị thánh du quan
chi địa;
眷一人勝賞之情
Quyển nhất nhân thắng thưởng chi tình.
去行殿而即蘭宮隆舟躍浪
Khứ hành điện nhi tức lan cung, long²⁹
chu được lãng;
展駕儀而行金地寶驥馳煙
Triển giá nghi nhi hành kim địa, bảo
kỳ trì yên.
從以寵后貴妃乃天人而在御
Tòng dĩ sủng hậu quý phi, nãi³⁰ thiên
nhân nhi tại ngự;
翼以武夫良士皆神將之扶持
Dực dĩ vũ phu lương sĩ, giai thần
tướng chi phù trì.
銀炬爍鶴焰蘭膏明通三際
Ngân cự thược hạc diêm lan cao,
minh thông tam tế;
金爐爇龍腦水沉香徹九天
Kim lô nhiệt long³¹ não thủy trầm³²,
hương triệt cửu thiên.
聖之曾孫李祥挺
Thánh³³ chi tăng tôn Lý Tường Đĩnh:
幼懷穎敏
Ấu hoài dĩnh³⁴ mẫn;
入侍禁宸
Nhập thị cấm thần.
慎言之樞機



Thận ngôn hành chi xu cơ;
 固寢興於夙夜
 Cổ tâm hưng ư túc dạ.
 但有密含其忠赤
 Đăn hữu mật hàm kỳ trung xích;
 曾微爽悔於毫釐
 Tăng vi sảng hối ư hào ly.
 是故
 Thị cố:
 眷寵殊倫
*Quyển sủng*³⁵ thù luân;
 禮褒異類
 Lễ bao dị loại.
 分一品之爵
 Phân nhất phẩm chi tước;
 授六尚之名
 Thụ Lục Thượng chi danh.
 聲華已冠於昌時
 Thanh hoa dĩ quán ư xương thì;
 Vinh hiển³⁶ túc thù ư hậu thế.
 見其鍾樓既立, 碑舍未圓;
 Kiến kỳ chung lâu ký lập, bi xá vị viên;
 無以紀其勝因, 傳其盛事
 Vô dĩ kỉ kỳ thắng nhân, truyền kỳ
 thịnh sự.
 既落成其方室惟塗丹牖之新鮮
 Ký lạc thành kỳ phương thất, duy đồ
 đan hoạch chi tân tiên;
 更礱錯其貞礪宜勒英詞之潤色
 Cánh long thác kỳ trình mân, nghi lạc
 anh từ chi nhuận sắc;
 耑穎達為之銘 曰
 Thời Đinh Đạt vi chi minh viết³⁷:
 至哉能仁、初轉法輪

Chí tai năng nhân, Sơ chuyển pháp luân
 六度萬行、四智三身
 Lục độ vạn hạnh, Tứ trí tam thân
 宣揚福惠、賴益天人
 Tuyên dương phúc huệ, Lại ích thiên nhân
 三草霑雨、二木逢春
 Tam thảo triêm vũ, Nhị mộc phùng xuân
 遷儀越世、晦迹歸真
 Thiên nghi việt thế, Hối tích quy chân
 Kim khẩu dĩ *chúc*³⁸, Quốc vương đại thần
 覺海大士、惟姓李氏
 Giác Hải đại sĩ, Duy tính³⁹ Lý thị
 辭親出家、證真悟理
 Từ thân xuất gia, chứng chân ngộ lí
 駕彼隆象、謁于天子
 Giá bĩ long tượng, Yết vu thiên tử
 神代欽惟、英宗仰止
 Thần đại khâm duy, Anh Tông
 ngưỡng chỉ
 敕賜宗族、閑居鄉里
 Sắc tứ tông tộc, Nhàn cư hương lí
 人盡驚訝、世無倫擬
 Nhân tận kinh nhạ, Thế vô luân nghĩ
 乃占勝方、宏開覺場
 Nãi chiếm thắng phương, Hoàng khai
 giác trường
 洞達軒檻、穹窿殿堂
 Động đạt hiên hạm, Khung lung
 điện đường
 彌陀中坐、祖師後張
 Di Đà trung tọa, Tổ sư hậu trương
 光華錯落、金碧輝煌
 Quang hoa thác lạc, Kim bích huy hoàng
 綿歷世代、累隔星霜
 Miên lịch thế đại, Lũy cách tinh sương

微福傾側、境界荒涼
Kiêu phúc khuynh trắc, Cảnh giới
hoang lương

遯哉李氏、六尚之姪

Vị tai Lý thị, Lục Thượng chi đệ

富而無驕、盛乃非匹

Phú nhi vô kiêu, Thịnh nãi phi thất

雖謂事君、抑亦重佛

Tuy vị sự quân, Ưc diệc trọng phật

增華紺宇、葺興淨室

Tăng hoa cảm vũ, Tập hưng tịnh thất

莊嚴寶所、準擬兜率

Trang nghiêm bảo sở, Chuẩn nghĩ
Đâu Suất

日月乾坤、慶源靡室

Nhật nguyệt càn khôn, Khánh nguyên
mĩ trất⁴⁰

茲但奉遵、展行咕嚕

Tư dân phụng tuân, Triển hành chiếp tất

願降誠心、回垂降格

Nguyện giáng thành tâm, Hồi thùý
*giáng cách*⁴¹.

Bản dịch bài *Bạch khai văn* của tác giả
(phần trùng với văn bia Viên Quang có tham
khảo bản dịch trong sách *Thơ văn Lý - Trần*):

(Phần đề dẫn, chỉ dịch thoát ý)

Kính nay:

Tích Thánh xưa tu thoát tam đồ, không
thể nói bao kỳ bao diệu;

Công đức Thánh làm nên tứ khí, để
danh truyền trong nước trong dân.

Tìm chân như nay đến Viên Quang;

Được diệu pháp xin tuân Dĩnh Đạt.

Văn xin dùng triện lệ⁴²;

Để khai kính tuyên dương.

(Phần Văn bia chùa Viên Quang)

Năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ ba, Giác
Hải đại sư khắc bia một mặt.

Mãng nghe: Núi pháp chon von, chẳng
sức tuệ sao lên đỉnh nọ;

Bể thiền bát ngát, nhờ thuyền từ mới
tới bờ kia.

Cho nên họ Đại Hùng; Hiện thân đất
Già La.

Mở mang pháp lớn mà trăm tướng
trang nghiêm;

Rộng cứu đường mê mà muôn hình
hun đúc.

Cắt sạch cỏ xấu nơi ruộng tâm;

Lại vun mây lành cho trời sáng.

Dựng lên sáu bến cầu kiều;

Cứu khắp chúng sinh khổ nạn.

Chép ghi chẳng sót cây cỏ vô tri;

Nhắc bảo nào quên sâu trùng nhỏ mọn.

Tới khi:

Rừng Song Lâm khuất bóng, cõi tịch
diệt trở về;

Đoàn tăng chúng nghiêng lòng, cùng
nghe lời căn dặn.

Thế là:

Chón kinh kỳ nhớ ghi phúc Phật, lập
đền son rải rắc sao đêm;

Nơi châu huyện mong trả ơn sâu, xây
điện báu dọc ngang cờ thế.

Nay tra cứu chân tích thì chùa Viên
Quang này là chùa Lý Anh Tông sáng lập,
là nơi đại Thánh Giác Hải trụ trì vậy.

Sư ra đời nơi thôn lạnh; Chí hãn khác
kẻ rợ địch.

Như hoa sen vượt trên bùn đọng,
hương tỏa hiên lam;

Sánh gốc tùng mọc dưới đáy khe, sắc
vươn trời biếc.

Công “tùy cơ hóa vật” vượt hẳn
nghìn xưa;

Đạo “tôn kỷ lợi tha” cách xa sáu bụi.

Hoa tâm rực rỡ bốn mùa tươi;

Trắng phật ngồi ngồi muôn dặm tỏ.

Đúng là then khóa cửa thiền;

Quả thật ánh sao đêm tối.

Cho nên:

Cắm tràng phan nơi sông Hán thắm tươi;

Rung tích trượng chốn suối ngàn u tịch.

Mây ra khỏi động gió nhẹ dễ bay;

Hạc vút từng không bụi trần khó nhuốm.

Một mình sang thượng quốc;

Riêng bước đạo thêm son.

Kẻ thấy sư như kiến nọ bầu tanh;

Người nghe tiếng như cá kia gặp nước.

Khơi một mạch Tào Khê;

Tỏa tám phương thần điện.

Dù Chí Công thời Lương Vũ đế, hay
Trúc Pháp thuở Hán Minh đế cũng không
thể hơn được.

Tục trần đã sạch;

Linh diệu nên thần.

Bèn chống gậy lại làng xưa;

Mới xuôi thuyền về quê cũ.

Chọn được đất đẹp hồ long;

Cách xa xóm tanh dê thú.

Trước dải ruộng nam, muôn khoảnh
mây vàng giải đất;

Sau quanh sông lớn, nghìn trùng sóng
biếc liền trời.

Bên trái tiếp hành cung đất Hải, xuân
thăm cây bừa thu xem thu hoạch;

Bên phải có chùa cổ Long Kiều, sớm
nghe kinh kệ tới tiếng chuông rơi.

Vua riêng nghĩ tới nơi này;

Sư cũng ưa vui chốn ấy.

Cho nên đầu năm Minh Đạo nhà vua
ra sắc chỉ cho quan hữu ti bắt đầu sang sửa.

Thế là:

Thợ thuyền họp lại như mây;

Gỗ đá chất cao như núi.

Búa rìu đẽo gọt, xuất hiện cung trời;

Vàng tía điểm tô, dựng nên điện báu.

Tòa giữa Di Đà Giáo chủ, mắt xanh
mày trắng long lanh;

Phía bên Trụ Thế Thượng nhân, mi
rậm thân gây lộ lộ.

Siêu phàm chúng thánh, sắp hàng thị
vệ nghe kinh;

Khỏe sức thiện thần, đối diện vung đao
hộ pháp.

Biển đề “Chùa Viên Quang”, là đề
biểu thị Thiền sư là bậc đạo bồ đề đã viên
mãn, tâm chân như đã sáng ngời vậy.

Lại có:

Lầu cao riêng dựng nơi đây, sớm tới
tiếng kinh ngân vọng;

Gác rộng vút lên phía Bắc, gác gang
tháp nhọn vời trông.

Nhà chay ngang dọc phía sau, thờ
phụng sáu đời sư tổ;

Cổng chính trang nghiêm phía trước,
mở liền mười dặm đường thông.

Mây sớm vắn vương bên cột;

Ráng chiều lấp lánh ngoài hiên.

Trăng in đáy nước ngõ dầm châu;

Hoa động sương mai ngò phơi gấm.

Một khu cao ráo;

Bốn phía thăm nghiêm.

Là nơi Thần Tông tuần du phương trấn,
chợt nhớ thiền lâm, chinh đồn ngựa xe
chiêm bái;

Cũng chốn Anh Tông quan sát dân tình,
vốn sùng cảnh Phật, nghiêm trang quân sĩ
ghé thăm.

Vua ta nay:

Nhân sánh Đường Nghiêu; Hiếu so
Ngu Thuấn.

Cảm nơi hai Thánh quan du;
Mến dạ một người thắng thưởng.

Dời hành điện tới cung lan, thuyền
rồng lướt sóng;

Bày trượng nghi thăm thánh địa, ngựa
báu ruổi mây.

Đi theo có sủng hậu quý phi, tướng
thầy người tiên châu chực;

Tả hữu có vũ phu, lương sĩ, đều là thần
tướng hộ trì.

Nén bạc hừng bắc hạc dầu lan, sáng
thông ba cõi;

Lò vàng rực long duyên trầm thủy,
hương ngát chín trời.

Cháu bốn đời của Thiền sư là Lý
Tường Đĩnh:

Thuở nhỏ thông minh; Vào châu cấm nội.

Nơi cơ mật nói năng thận trọng; Lúc
hôm khuya thức ngủ giữ gìn.

Ngâm mang một tấm lòng thành;
Không chút tơ hào sai vạy.

Vậy nên:

Được vua yêu mến hơn người;

Điện lễ ban khen khác chúng.

Tước hàm đà nhất phẩm;

Chức Lục Thượng vua ban.

Thanh giá bao trùm nên thịnh thế;

Vinh hoa lưu lại để đời sau.

Lại thấy:

Lầu chuông đã lập; Nhà bia chưa xây.

Lấy gì ghi lại cảnh màu;

Lấy gì truyền lưu việc thịnh.

Sau đó nhà bia đã dựng, riêng tô nét vẽ
son tươi;

Vậy nay đá cứng liền mài, cẩn khắc lời
văn chải chuốt.

Nay Đinh Đạt có bài minh rằng:

Lớn thay đức Phật, Xưa chuyển pháp luân

Sáu độ, muôn hạnh, Bốn trí, ba thân

Mở mang phúc tuệ, Lợi ích thiên nhân

Ba cỏ nhuần thấm, Hai cây gặp xuân

Cải dung khác tục, Dầu tích về chân

Lời vàng dặn bảo, Quốc vương đại thần

Giác Hải đại sĩ, Ban về họ Lý

Xuất gia tu hành, Chứng ngộ chân lý

Mang hình ảnh kia, Ra mắt thiên tử

Thần Tông tôn sùng, Anh Tông
ngưỡng mộ

Sắc ban họ hàng, Thanh thoi làng cũ

Mọi người nể nang, Đời không so đo

Bền tìm cảnh đẹp, Mở mang Phật trường

Hiên song thoáng đặng, Điện đài
thên thang

Di Đà tòa giữa, Sư tổ hậu đường

Đó đây sáng sửa, Vàng son huy hoàng

Trải bao năm tháng, Cách mấy tinh sương

Lòng người nghiêng ngửa, Cảnh giới
hoang lương

Chính là họ Lý, Cháu tên Lục Thượng

Giàu mà không kiêu, Thịnh ai sánh kịp

Tuy rằng thờ vua, Nhưng cũng trọng Phật

Tu sửa chùa son, Lợp lại tịnh thất

Bảo sở trang nghiêm, Sánh ngang
Đâu Suất

Nhật nguyệt càn khôn, Nguồn ân chẳng chặt.

Nay xin phụng tuân, Lâm râm chú mật
Xin lấy thành tâm, Trên cao giám cách.

3. Khảo về chữ húy và niên đại bài văn bia

Trước đây do ảnh hưởng của câu “Năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ ba (1122), Giác Hải đại sư khắc bia một mặt” nên tấm bia và bài văn bia được gán niên đại đời Lý.

Nhưng thực tế câu “... Giác Hải đại sư khắc bia một mặt” chỉ xác nhận là ở chùa Viên Quang từng lưu một tấm bia do Giác Hải cho khắc vào năm 1122, vì chữ *nhất diện* (một mặt) có thể hiểu nghĩa rộng là một đầu, một cái (bia). Có thể tấm bia đó sau khoảng 500 năm (đến chừng năm 1622) đã mòn hết chữ, nên được mài và khắc lại, điều đó thể hiện qua việc bề dày của bia Viên Quang hiện nay khá mỏng so với kích thước cao rộng và càng thấy mỏng khi so sánh với đa số bia đá chúng ta thường gặp.

Tác giả đã tham khảo ý kiến của Đào Xuân Ngọc, một chuyên gia về bia cổ, cũng nhận định rằng hoa văn trên trán bia này là hoa văn thời hậu Lê.

Đề ý thấy chữ *lợi* 利 trong thành ngữ *tôn kỳ lợi tha* chỉ đạo Phật ở trên bia đã bị đổi ra *lại* 賴 cũng có một nghĩa là lợi, mà lợi là chữ húy đời Lê (tên vua Lê Lợi) cho thấy bia được san khắc lại vào đời Lê. Trong khi ở bài văn cúng thì câu “Tôn dĩ lợi tha chi đạo” vẫn dùng chữ *lợi* 利, có thể bài văn trong sách cúng được ghi chép lưu truyền từ một văn bản giấy cũ có từ trước thời Hậu Lê, hay được chép lại vào đời Nguyễn khi không phải tránh húy chữ *lợi* nữa, nhưng dù theo giả thuyết nào thì vẫn

là một chứng cứ cho thấy bài văn cúng có tính độc lập chứ không gò bó theo bản khắc trên bia. Bài văn chép trong khoa cúng đền Thượng mà chúng ta đang khảo sát cũng chính là một minh chứng cụ thể cho thấy bài văn bia Viên Quang từng được lưu truyền qua đường sách vở, do được sao chép truyền tay nhiều lần nên nội dung có thể sai lạc dần so với nội dung khắc trên tấm bia.

Thêm nữa việc các chữ *long* 龍 có ở bài văn này trên tấm bia bị đổi hết ra là *long* 隆 cũng cho thấy khả năng là tấm bia từng được khắc lại đời Hậu Lê, do kỵ húy tên vua Lê Thái Tông (tên là Lê Nguyên Long 黎元龍) nên đổi 龍 ra 隆? (riêng tác giả Vũ Thế Khôi thì cho là bia khắc lại đời Nguyễn, húy chữ *long* là do nhầm việc phải tránh tên vua Gia Long 嘉隆).

Chú ý thêm là trong văn bia này còn có chữ *trừ* 儲 trong câu “Tài thạch sơn trừ”, đây là chữ húy tên Lê Trừ, anh trai Lê Lợi, tổ 5 đời của vua Lê Anh Tông (1532-1573) người mở ra dòng cuối của nhà Hậu Lê, chữ này không viết húy cho thấy vào đời hậu Lê việc kỵ húy cũng không triệt để nghiêm ngặt.

Việc bài văn bia được làm khoảng cuối đời Lý chủ yếu dựa vào nội dung của nó có những chi tiết kể chuyện đương thời như câu “vua ta nay” liền sau hai câu nói về việc vua Thần Tông, Anh Tông về chùa chiêm bái. Hay những thông tin rất chi tiết kể chuyện cháu bốn đời của Thiền sư là Lý Tường Đĩnh, nếu ước tính 4 đời cách độ 100 năm và Giác Hải hoạt động khoảng thời Lý Nhân Tông (1066-1128) thì Lý Tường Đĩnh hoạt động trong khoảng 1166-

1228 tức là cuối đời Lý lần một ít sang đời Trần, nếu bia do Lý Tường Đĩnh khiến Đĩnh Đạt viết thì bài văn bia có niên đại khoảng cuối đời Lý đầu đời Trần.

Tóm lại niên đại của bài văn vẫn còn nghi vấn, nhiều khả năng là cuối đời Lý như sách *Thơ văn Lý - Trần* đã sắp nhưng cũng có thể là đầu đời Trần (xác xuất nhỏ hơn), nhưng riêng về tấm bia hiện lưu ở chùa Viên Quang thì dứt khoát xác định là bia khắc lại vào đời Lê, có thể khoảng thế kỷ XVI hay đầu thế kỷ XVII.

Lời kết

Việc bài văn bia chùa Viên Quang - Nam Định xuất hiện trong khoa cúng đền Thượng - Ninh Bình, là loại tài liệu nghiêm trang dùng để thờ phụng, cho thấy từ xưa bài văn bia đã rất nổi tiếng được đánh giá cao và từng được sao chép lưu truyền qua đường sách vở chứ không phải trước khi được in trong sách *Thơ văn Lý - Trần* năm 1977 thì chỉ có độc bản là bản khắc trên tấm bia. Việc khảo cứu bài văn trên khoa cúng góp phần chỉnh lý một số câu chữ trên văn bia, ngay cả khi chữ trên văn bia đúng hơn thì chữ trong bài văn cúng cũng góp phần hiểu thêm ý nghĩa câu văn và giúp đánh giá tỉ lệ sai lệch văn bản qua quá trình sao chép./.

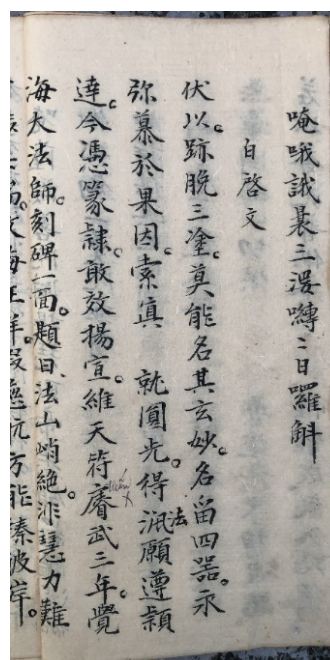
P.A.D

Ảnh minh họa:

Trang bia khoa cúng đền Thượng, Yên Vệ, Ninh Bình



Trang đầu bài *Bạch khai văn* trong khoa cúng, tức bài văn bia chùa Viên Quang



Ảnh chụp mặt trước tấm bia chùa Viên Quang
(nguồn: KTS Trần Trung Hiếu)



Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Trong Lý triều quốc sử Thánh tổ kê dẫn có đoạn ghi chú ở lề trên: “Yên Vệ thuộc tỉnh Ninh Bình, phủ Yên Khánh, huyện Gia Viễn. Là quê mẹ của Giác Hải. Mẹ ông họ Phan, mộ táng tại đây, Giác Hải cũng hóa ở đây. Có cái lò hóa mỗi bên rộng 9 thước sâu 1 thước, nay vẫn còn lưu một khối than đặt tại nội cung, lấy gấm bọc kín lại. Mỗi năm mùa xuân tháng 2 và thu tháng 8 thì rước thuyền thi cầu”.

2. Thích Tâm Hiệp chủ biên (2021), *Quốc sử Minh Không qua tư liệu đền Thánh Nguyễn*, NXB. Hồng Đức.

3. Đây là ảnh chụp với kỹ thuật chụp có độ nổi, độ sâu của Kiến trúc sư kiêm nhà nhiếp ảnh Trần Trung Hiếu, chất lượng gần tương đương với các bản rập phổ thông.

4. Nguyên bản bỏ trống 1 chữ (chắc ở cổ bản bị mờ), tạm điền chữ *nhi* (mà) có ý nghĩa chung chung vào phần phiên âm cho xuôi câu.

5. Trên bia là *Văn phu*, bài *Khải văn* đổi ra *Đề viết*.

6. Thừa chữ (ư) so với văn bia.

7. Trên bia viết chữ *lục* khác *lục* đúng hơn, nghĩa là thu lục, sao lục.

8. Nguyên bản viết chữ *tiêu* 肖 giống trên bia Viên Quang, nhưng sau sửa là chữ *tiêu* 蛸,

là một giống nhện cao chân, mô tả rõ cây cầu cong vòng như chân nhện và phù hợp với hai chữ *nhu động* 蠕動 ở trước.

9. Trên bia viết chữ *thị* 示

10. Trên bia câu này ngắn hơn và chữ Đại thánh đổi thành Pháp sư: “Kim Viên Quang Tự giả, tức Lý Anh Tông chi sở sáng, nhi Giác Hải pháp sư chi thể trì dã”.

11. Trên bia ghi “*Sư đàn tòng ư nhân lý*”, chắc trên bia là nguyên bản, vì khớp số chữ với về biên ngẫu đứng sau. Do bản ở đền Thượng đổi Sư thành Đại thánh nên về đổi bị thừa chữ, còn *nhân lý* thì đổi ra *thiên nhất*.

12. Trên bia là chữ *ư* 淤.

13. Trên bia là chữ *hư* 虛. Chữ *không* 空 trong bản Yên Vệ hợp lý hơn, nghĩa là cây tùng mọc dưới đáy khe đưa sắc xanh biếc vươn lên không trung, nếu dùng chữ *hư* thì có vẻ mờ ảo không hiện rõ sắc xanh.

14. Trên bia là chữ *lại* 賴. Chữ *lợi* 賴 ở bản đền Thượng đúng với cách nói phổ thông hơn (chỉ đạo làm lợi cho người khác tức Đạo Phật). Việc trên bia sửa ra *lại* 賴 có thể do kỵ húy chữ *lợi*, tên vua Lê Lợi, chữ *lại* cũng có một nghĩa là lợi.

15. Bản Yên Vệ có dấu hiệu sửa chữa chữ đồng 洞 nhiều lần, lần cuối ghi chữ *cuong* 崗 vào bên cạnh với màu mực rất mới nên chúng tôi xin giữ nguyên chữ *đồng* 洞 như trên bia.

16. Trên bia là *Chí Công* 誌公, đúng hơn, phù hợp chuyện Lương Võ Đế hỏi Thiền sư Chí Công về nhân quả, có lẽ người chép lại không biết Chí Công và Trúc Pháp (ở về sau) là tên riêng, nên chữ *Trúc* 竺 cũng có dấu gạch bỏ ghi chữ *phụng* 奉 vào bên cạnh tóm lại hai tên riêng Chí Công, Trúc Pháp trở thành hai từ chỉ không, phụng pháp.

17. Trên bia là 人既化矣, 師既薨矣 *Nhân ký hóa hĩ; Sư ký mao hĩ*. Hai câu này không đúng với luật biên ngẫu, nên có thể bản đền Thượng đúng nguyên tác hơn, vì đúng luật đối ?

18. Chữ 還 thường đọc âm *hoàn*, nhưng theo *Khang Hy tự điển* thì có cả âm *hoạn* (tịnh hồ quán thiết, âm *hoạn* 患), ở đây theo luật đối thanh về trên là chữ quy thì về dưới đọc âm *hoạn* đúng hơn.

19. Văn bản trong khoa cúng Yên Vệ viết chữ *long* 龍 (đúng), trên bia Viên Quang đổi ra *long* 隆. Có thể do kỵ húy, sẽ khảo ở phần sau.

20. Trên bia là chữ *y* 依 nghĩa là y theo, còn bản đền Thượng là 伊 có nghĩa là ấy.

21. Minh Đạo sơ niên là năm 1042 có vẻ quá xa thời Giác Hải hoạt động tức khoảng đời Lý Nhân Tông (1066-1128) theo *Thiền uyển tập anh*. Nhưng rất nhiều bản sự tích về Không Lộ, Giác Hải đều có nhắc đến năm Minh Đạo sơ niên này nên chưa vội vàng phủ nhận nó được, có thể còn thông tin gì ẩn dấu ở đây.

22. Trên bia có thêm chữ đệm *nhi*.

23. Trên bia cũng là chữ *nghiêm*. Nhưng sách *Thơ văn Lý - Trần* và một số sách khác in thành *nghiêm* 嚴.

24. Trên bia là chữ *dữ* 與.

25. Chữ *bàng* 龐 còn đọc âm mang nghĩa là to dày, miêu tả người có lông mày dài, rậm.

26. Bản Yên Vệ thêm chữ *thánh* nhưng không bỏ chữ *sư* như ở các câu khác.

27. Trên bia là chữ *khuê* 珪.

28. Chữ *tham* hàm ý so sánh, đối với chữ *tịnh* cũng mang nghĩa so sánh ở về trên chuẩn hơn, trên bia viết dạng dị thể có bộ tâm ở dưới nên dễ lầm ra chữ *cung* 恭 là cung kính. Xem hình minh họa ở trên, cắt từ ảnh chụp tấm bia của Kiến trúc sư Trần Trung Hiếu.

29. Đáng lý là chữ *long* 龍 nhưng văn bản này đổi ra *long* 隆 tuy nhiên cũng có chỗ văn bản này vẫn viết *long* 龍. Còn trên bia Viên Quang thì đổi hết là *long* 隆. Có thể do kỵ húy, sẽ khảo ở phần sau.

30. Trên bia là chữ *tận* 尽.

31. Văn bản ban đầu viết chữ *long* 隆 nhưng sửa ra *long* 龍 viết vào bên cạnh.

32. Có thể đảo lại là *trầm thủy* đúng luật đối thanh hơn.

33. Trên bia là chữ *sư* 師.

34. Trên bia là chữ *trinh* 貞.

35. Trên bia đảo lại là: *Sùng quyển*.

36. Bản đền Thượng là *hiển vinh*, đảo lại là *vinh hiển* như trên bia cho thuận thanh điệu.

37. Trên bia đoạn này khá dài, nhưng ở bản đền Thượng bị lược bỏ: 而穎達,學徒憤悱,性本顛愚,慙無駕說之能,謾有祖述之意,搦管面牆,強為銘曰/Nhi Đình Đạt,

Học đồ phẫn phi, Tính bản chuyên ngu. Tầm vô giá thuyết chỉ năng, Mạn hữu tổ thuật chỉ ý, Nạch quản diện tường, Cường vi minh viết.

38. Trên bia là chữ *lũy* 累, ý nghĩa không rõ ràng lắm, vì không thấy trong *Khang Hy tự điển* nhưng dựa vào đoạn trên cũng có chữ đó (同聞囑累 - đồng văn chúc lũy) thì ý nghĩa cũng gần như *chúc* 囑 là dặn bảo.

39. Trên bia viết chữ tính khác 性, chữ tính 姓 là “họ” của bản Yên Vệ đúng hơn.

40. Trên bia là: *Phúc hải trường doanh, khánh nguyên mỹ kiệt* 福海長盈、慶源靡竭. *Mỹ trát* là chẳng chặt hẹp, còn *mỹ kiệt* trên bia thì nghĩa là chẳng hết, có vẻ hợp lý hơn, việc sửa ra chữ *trát* có lẽ để sát với hai câu thêm vào sau, vẫn ở chữ “chiếp tất”.

41. Trên bia không có mấy câu in nghiêng này, nội dung của các câu này là lời khấn nguyện, nên có lẽ thuộc về khoa cúng của đền Thượng, được thêm vào sau chứ không phải vốn thuộc về bài minh trên bia chùa Viên Quang, nhưng vẫn theo thể thơ tán 4 chữ và giữ nguyên vần.

42. Chữ triện phải viết cầu kỳ cẩn thận, còn chữ lệ thì ngay ngắn rõ ràng, ý nói nghiêm trang kính cẩn viết bài khải văn này.

43. Lê Mạnh Thát (2006), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, NXB. Phương Đông.

44. Ngô Đức Thọ (1997), *Nghiên cứu chữ húy Việt Nam qua các triều đại*, NXB. Văn hóa.

45. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch (1993), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

46. Thích Tâm Hiệp chủ biên (2021), *Quốc sư Minh Không qua tư liệu đền Thánh Nguyễn*, NXB. Hồng Đức.

47. Thích Quảng Hà chủ biên (2021), *Lý triều quốc sư Thánh kệ dẫn*, NXB. Hồng Đức.

48. Vũ Thế Khôi (2018), “Thử giám định các niên đại và các văn bản khắc trên bia Viên Quang tự bị minh tính tự”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5.

49. Nhiều tác giả, *Thơ văn Lý Trần*, Viện Văn học (1977), NXB. Khoa học xã hội.

50. KTS Trần Trung Hiếu. Ảnh chụp văn bia chùa Viên Quang (Nam Định).

51. Khoa cúng đền Thượng, xã Yên Vệ, Yên Khánh, Ninh Bình, Tài liệu sưu tầm của nhóm Khảo sát về Tam Thánh Tổ.